

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYỀN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/4/2021.

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lương Minh Suốt.

2. Bà Lâm Thị Tám.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn Phong, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2021, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trương Văn Phong trình bày: Vào tháng 10 năm 1987 ông Trương Văn Phong lập gia đình sống chung với bà Nguyễn Thị Hiền, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hạnh phúc nên ông Phong đi tỉnh Hậu Giang ở nhà anh ruột làm ăn, lâu lâu mới về nhà một lần. Đến năm 2014 thì mâu thuẫn giữa ông Phong và bà Hiền ngày càng trầm trọng. Do đó, kể từ năm 2014 đến nay ông Phong và bà Hiền không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Trương Văn Phong và bà Nguyễn Thị Hiền có 03 người con chung tên Trương Hoài Niệm, sinh năm 1988; Trương Thanh Hận, sinh năm 1990; Trương Thanh Cần, sinh năm 1992. Cả 03 người con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hiền*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Hiền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Hiền không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Do vụ án được thụ lý theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy nguyên đơn và bị đơn sống chung từ tháng 10 năm 1987 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử thống nhất xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Hiền đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà Hiền vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Việc tranh chấp giữa ông Trương Văn Phong và bà Nguyễn Thị Hiền là loại kiện hôn nhân và gia đình. Xét thấy, ông Phong và bà Hiền tổ chức cưới và sống chung vào tháng 10 năm 1987, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hạnh phúc nên ông Phong đi tỉnh Hậu Giang ở nhà anh ruột làm ăn, lâu lâu mới về nhà một lần. Đến năm 2014 thì mâu thuẫn giữa ông Phong và bà Hiền ngày càng trầm trọng, nên kể từ năm 2014 đến nay ông Phong và bà Hiền không còn chung sống, không còn quan tâm, không liên lạc với nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa ông Trương Văn Phong và bà Nguyễn Thị Hiền không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, ông Phong và bà Hiền tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 10 năm 1987 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa hai người không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thụ lý đơn khởi kiện của ông Trương Văn Phong và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Văn Phong và bà Nguyễn Thị Hiền.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Trương Văn Phong và bà Nguyễn Thị Hiền có 03 người con chung tên Trương Hoài Niệm, sinh năm 1988;

Trương Thanh Hận, sinh năm 1990; Trương Thanh Cần, sinh năm 1992. Cả 03 người con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Trương Văn Phong phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Văn Phong và bà Nguyễn Thị Hiền.

- Về con chung: Ông Trương Văn Phong và bà Nguyễn Thị Hiền có 03 người con chung tên Trương Hoài Niệm, sinh năm 1988; Trương Thanh Hận, sinh năm 1990; Trương Thanh Cần, sinh năm 1992. Cả 03 người con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Trương Văn Phong phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Phong đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009160 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trương Văn Phong đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ái Mỹ**